

TOTAL PHYSICAL RESPONSE – TPR (PHƯƠNG PHÁP PHẢN XẠ TOÀN THÂN) TRONG VIỆC DẠY TIẾNG ANH CHO THIẾU NHI

TOTAL PHYSICAL RESPONSE (TPR) IN TEACHING ENGLISH TO YOUNG LEARNERS

HUỲNH LÊ PHƯƠNG CƠ^()*

TÓM TẮT: Với xu hướng toàn cầu hóa, giảng dạy tiếng Anh cho thiếu nhi đang được quan tâm nhiều trên toàn thế giới. Dạy tiếng Anh cho thiếu nhi hoàn toàn khác với dạy tiếng Anh cho người lớn. Trang bị cho bản thân những phương pháp thích hợp nhất để dạy thiếu nhi là nhu cầu của các giáo viên dạy tiếng Anh. Bài viết tập trung vào những nét nổi bật của phương pháp giảng dạy Total Physical Response – TPR (tạm dịch: Phương pháp Phản Xạ Toàn Thân) nhằm giải thích tại sao phương pháp này được xem là phương pháp thích hợp để dạy cho thiếu nhi. Bài viết còn trình bày những hoạt động của phương pháp phản xạ toàn thân dùng trong lớp học cũng như kỹ thuật dạy tiếng Anh thiết thực cho thiếu nhi khi sử dụng phương pháp này nhằm giúp cho giáo viên, đặc biệt những giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm giảng dạy hiệu quả hơn.

Từ khóa: phương pháp phản xạ toàn thân; thiếu nhi vận động toàn thân; hoạt động TPR.

ABSTRACT: With the trend of globalization, teaching English to young learners has been gaining much attention all over the world. Teaching English to young learners is completely different from teaching English to adults. Looking for the most appropriate methods is a demand of English teachers. This article focuses on the highlights of Total Physical Response (TPR) teaching method to explain why it is considered a suitable one to teach young learners. The article also presents TPR activities as well as practical techniques to teach young learners in order to help teachers, especially novice teachers who want to teach young learners more effectively.

Key words: total Physical Response; young learners; body movement; TPR activities.

1. MỞ ĐẦU

Thời gian gần đây, dạy tiếng Anh cho thiếu nhi ở Việt Nam đang là xu hướng phát triển nhanh. Ngoài các trung tâm Anh ngữ, các trường mẫu giáo tư thục hay các trường mẫu giáo nhà nước đều có chương trình tiếng Anh dành cho lứa tuổi dưới 5. Trường tiểu học cũng có các chương trình

tiếng Anh như tự chọn, tăng cường, Cambridge, DynEd. Những người thiết kế chương trình tiếng Anh cho thiếu nhi cũng như của giáo viên đều mong muốn tìm ra phương pháp nào là hiệu quả nhất. Trong các phương pháp dạy tiếng Anh cho thiếu nhi, phương pháp Total Physical Response - viết tắt TPR (tạm dịch: Phương pháp Phản

^(*) ThS. Trường Đại học Văn Lang, huynhlephuongco@vanlanguni.edu.vn, Mã số: TCKH10-03-2018

xạ toàn thân) được cho là phương pháp ưu việt và toàn diện. Phương pháp này giúp cho các em nhỏ tiếp xúc với ngoại ngữ một cách tự nhiên, thoải mái, “chơi mà học”. Trước khi đi sâu vào phương pháp này, phần tiếp theo sẽ bàn về những đặc thù nổi bật của thiếu nhi trong học tập.

2. NHỮNG ĐẶC THÙ CỦA THIẾU NHI TRONG HỌC TẬP

Theo Slaterry và Willis [9, tr.4] thiếu nhi chia làm 2 đối tượng: dưới 7 tuổi và 7-12 tuổi. Tính cách của hai cấp độ tuổi này có một số điểm khác nhau nhưng các em nhỏ có chung những tính cách như độ tập trung chú ý ngắn, hiếu động, đầy năng lượng, không ngồi yên - đặc biệt các em dưới 7 tuổi, có tính tò mò hay đặt câu hỏi, trí tưởng tượng phong phú; có óc sáng tạo, khả năng bắt chước, khả năng nghe chính xác cao; học theo cách gián tiếp, thích học hỏi thông qua trò chơi, vận động, lắp ráp; nhận thức thông qua nghe nhìn và tiếp xúc. Ngoài ra, trẻ rất thích giao tiếp và nói chuyện với người khác.

Trong việc học ngoại ngữ, thiếu nhi học hoàn toàn khác người lớn. Opp-Beckman và Klinghammer [5, tr.123] nhận định trẻ em cần có cơ hội để vận động trong giờ học và để vui chơi. Trong khi chơi, trẻ học và thực tập những kỹ năng xã hội như giao tiếp và kỹ năng ngôn ngữ. Trẻ em có tính tò mò và sẵn sàng học thêm ngôn ngữ khác. Vì những khả năng nhận thức đang phát triển nên trẻ học ngôn ngữ theo cách tổng quát sẽ dễ dàng hơn là học những quy tắc về ngôn ngữ. Và vì đang trong giai đoạn phát triển những quy tắc về tiếng mẹ đẻ nên trẻ có khả năng tạo ra quy tắc cho ngôn ngữ thứ hai khi chúng sử

dụng. Và cũng vì kỹ năng nhận thức và vận động đang phát triển, trẻ em có kỹ năng nói tốt hơn kỹ năng đọc viết, nên giáo viên có thể dùng điểm mạnh này để dạy ngoại ngữ cho trẻ. Tuy nhiên, điều này đòi hỏi việc lặp đi lặp lại và lời hướng dẫn cũng phải rõ ràng.

3. NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT CỦA PHƯƠNG PHÁP PHẢN XẠ TOÀN THÂN (TPR)

Theo Richards và Rogers [7, tr.73], phương pháp phản xạ toàn thân là một trong những phương pháp dạy ngôn ngữ được xây dựng dựa vào sự kết hợp giữa ngôn ngữ và hoạt động thể chất; phương pháp này nhắm đến việc dạy ngôn ngữ thông qua vận động. Phương pháp này do giáo sư tiến sĩ tâm lý học James J Asher thuộc Trường Đại học San Jose, California phát triển từ thập niên 60, nhằm mục đích giúp người học cảm nhận ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ một cách tự nhiên hơn và dễ nhớ hơn. Theo Asher [1] người học không bắt buộc phải nói trong khi thực hiện các hoạt động tay chân, chính vì vậy phương pháp này không gây căng thẳng và phù hợp để dạy cho người mới bắt đầu học ngoại ngữ cũng như cho trẻ em.

Trong phương pháp này, việc học ngôn ngữ cũng tương tự như việc một đứa trẻ cảm nhận tiếng mẹ đẻ: nghe hiểu trước rồi mới nói; và thông thường đứa trẻ nghe hiểu trước khi chúng biết nói khoảng chừng 1 năm [1]; sự tương tác giữa phụ huynh và trẻ em thường mang hình thức lời nói của phụ huynh, sau đó là phản xạ toàn thân của đứa trẻ. Chỉ khi điều bộ nên được kết hợp với nghe hiểu nhằm tăng khả năng nhớ lâu; não bộ xử lý thông tin nhanh hơn và chấp nhận thông tin đáng tin cậy

đó khi nghe hiểu trước và tiếp theo là vận động (học bằng não phải), không cần nói hoặc dịch (học bằng não trái); người học nên im lặng để không gây ra việc quá tải cho bộ não (Brain Overload); bằng việc đáp lại mệnh lệnh bằng cử chỉ, điều bộ mà không dùng lời nói, người học tiếp thu ngôn ngữ mới (ngữ âm học, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa) cùng một lúc mà không cần phân tích. Một khi người học đã hiểu, người dạy có thể dùng kỹ năng trên để chuyển sang vùng Broca của não bộ trái với những bài tập truyền thống như nói, đọc, viết. Rồi sau đó lại quay về vùng não bộ phải với nhiều hoạt động của phương pháp phản xạ toàn thân hơn để người học hiểu một ví dụ khác, và tiếp tục dùng sự hiểu biết đó chuyển sang nói, đọc, viết [1].

Phương pháp phản xạ toàn thân được thiết kế dựa trên ba nguyên tắc học tiếng mẹ đẻ của trẻ nhỏ: 1) nghe hiểu trước rồi mới nói; 2) học ngôn ngữ kết hợp với vận động cơ thể; 3) kỹ năng nghe chuẩn bị cho đứa trẻ tập nói [7, tr.74].

Phương pháp phản xạ toàn thân hữu hiệu nhất trong những giai đoạn đầu học ngôn ngữ. Tuy nhiên, phương pháp phản xạ toàn thân

nên được sử dụng kết hợp với những phương pháp hay kỹ thuật khác vì thật ra phương pháp phản xạ toàn thân đại diện cho tập hợp những kỹ thuật hữu dụng tương hợp với những cách tiếp cận khác trong giảng dạy [7, tr.79].

Theo Opp-Beckman và Klinghammer [5, tr.127], đặc thù của phương pháp phản xạ toàn thân trong việc giảng dạy ngôn ngữ là: 1) giáo viên dùng dạng lệnh điều khiển để dạy ngôn ngữ; 2) lệnh điều khiển được kết hợp với vận động thể chất nhằm chuyển tải ý nghĩa của trọng tâm ngôn ngữ và giúp nhớ lâu hơn; 3) người học hiểu ngôn ngữ thông qua thực hành nghe và nhắc lại trước khi họ được yêu cầu nói; 4) chỉnh sửa là một phần tự nhiên trong hoạt động; 5) yếu tố vui nhộn là phần cần phải có trong phương pháp giảng dạy này.

Ví dụ minh họa: Trong lớp học tiếng Anh thiếu nhi - trình độ mới bắt đầu, giáo viên tập cho trẻ làm quen với các mệnh lệnh đơn giản thường dùng trong lớp học như đứng lên (*Stand up*), ngồi xuống (*Sit down*), nhìn sang phải (*Look to the right*), nhìn sang trái (*Look to the left*),...

Các bước thực hiện

Giáo viên	Học sinh
1. Đưa ra mệnh lệnh “ <i>Stand up!</i> ” và đứng lên cùng lúc; đồng thời ra hiệu cho học sinh bắt chước đứng lên theo.	1. Lắng nghe, quan sát và làm theo mệnh lệnh (đứng dậy).
2. Nói “ <i>Sit down!</i> ” và ngồi xuống; đồng thời ra hiệu cho học sinh làm theo.	2. Lắng nghe, quan sát và làm theo mệnh lệnh (ngồi xuống).
3. Lặp đi lặp lại mệnh lệnh “ <i>Stand up!</i> ”, “ <i>Sit down!</i> ” và kết hợp với động tác vài lần.	3. Lắng nghe và làm theo mệnh lệnh (đứng lên, ngồi xuống).
4. Thêm một mệnh lệnh mới “ <i>Look to the right!</i> ” và nhìn sang phải.	4. Lắng nghe và bắt chước làm theo.
5. Lặp lại ba mệnh lệnh “ <i>Stand up!</i> ”, “ <i>Sit down!</i> ”, “ <i>Look to the right!</i> ” vài lần trước khi thêm mệnh lệnh mới là “ <i>Look to the left!</i> ”	5. Lắng nghe và bắt chước làm theo.

Chuỗi hoạt động được lặp đi lặp lại vài lần nữa, và đến khi học sinh nghe quen tai, các em vừa nói vừa diễn đạt bằng cử chỉ, điệu bộ. Để không khí học hào hứng và vui nhộn hơn, giáo viên có thể tăng tốc độ ra mệnh lệnh cũng như hành động; giáo viên quan sát xem có học sinh nào nhầm lẫn thì nhắc nhở để học sinh điều chỉnh lại động tác.

4. VÌ SAO PHƯƠNG PHÁP PHẢN XẠ TOÀN THÂN ĐẶC BIỆT PHÙ HỢP ĐỂ DẠY TIẾNG ANH CHO TRẺ EM?

Như đã đề cập ở trên, đặc thù của trẻ em là hiếu động, thích di chuyển, không ngồi yên, đầy năng lượng, vì vậy trong việc học ngoại ngữ, Scott và Ytreberg [8, tr.2] đã khẳng định trẻ học hỏi và nhận thức thông qua nghe, nhìn, tiếp xúc tay chân và vận động. Theo Harmer [3, tr.38], vì trẻ thích khám phá và có trí tưởng tượng phong phú nên trẻ có thể tham gia tốt vào các hoạt động đồ vui, chế tạo đồ vật, vẽ, trò chơi, vận động hoặc hát. Rõ ràng, những hoạt động này rất hữu ích trong việc duy trì động cơ học tập cũng như giúp đáp ứng các kiểu học khác nhau: nhìn, nghe và vận động. Hoạt động của phương pháp phản xạ toàn thân là trò chơi sẽ phù hợp với trẻ em thích vận động (Kinaesthetic Children) – các em học tốt khi vận động tay chân hoặc kết hợp việc ghi nhớ với hành động. Ngoài ra, phương pháp phản xạ toàn thân cũng phù hợp với đối tượng học trực quan (Visual Learners) – nhìn hành động kết hợp với lời hướng dẫn. Khi bài hát được kết hợp với phương pháp phản xạ toàn thân, trẻ em là đối tượng học bằng thính giác (Auditory Learners) sẽ có lợi vì từ ngữ, nhịp điệu bài hát kết hợp với vận động sẽ giúp trẻ nhớ lâu hơn. Nói cách khác,

phương pháp phản xạ toàn thân phù hợp với các kiểu học mà hầu hết trẻ em có.

Phương pháp phản xạ toàn thân không những không gây căng thẳng cho người học [7, tr.75], mà thực tế cho thấy những hoạt động kết hợp với phương pháp phản xạ toàn thân như trò chơi vận động, bài hát, kể chuyện còn tạo sự thích thú cho trẻ nhỏ và khiến trẻ nhiệt tình tham gia vào hoạt động học trong lớp. Nunan [4, tr.29] cũng khẳng định đó là phương pháp được dùng nhiều để dạy tiếng Anh cho thiếu nhi vì phương pháp này nhấn mạnh đến ngữ liệu đầu vào và hoạt động thể chất, chứ không không nhấn mạnh đến cấu trúc ngữ pháp.

Ngoài ra, phương pháp phản xạ toàn thân kích thích hoạt động của cả hai bán cầu đại não của trẻ nhỏ. Phương pháp của Asher hướng tới việc học bằng não phải (hoạt động tay chân). Với phương pháp này, người học cảm thụ ngôn ngữ thông qua vận động thay vì ghi nhớ từ vựng hoặc các quy luật ngữ pháp. Trong khi trẻ nhỏ vận động, bán cầu đại não trái (trong đó có hoạt động liên quan tới nói, phân tích, giải thích) chỉ quan sát và học hỏi. Một khi bán cầu đại não phải đã tiếp thu thông tin mới, trẻ sẽ có thể nói/sử dụng được ngôn ngữ - nói cách khác, bán cầu đại não trái được kích hoạt [7, tr.75].

Một lý do khác giải thích tại sao phương pháp TPR được dùng nhiều để dạy tiếng Anh cho thiếu nhi là phương pháp này không cần sách giáo khoa. Theo Richards và Rogers [7, tr.77] đối với đối tượng học là vỡ lòng và khoảng 5 tuổi - chưa biết đọc và viết thì bài học không đòi hỏi phải dùng sách giáo khoa mà chính giọng nói, cử chỉ, hành động của giáo viên

là nền tảng thiết thực cho hoạt động trong lớp học. Sau đó, giáo viên có thể dùng các đồ vật thông dụng trong lớp học như sách, viết, vật dụng. Khi học viên học lên cấp độ cao hơn, giáo viên có thể dùng hình ảnh, biểu đồ chữ, ...

5. ĐỀ XUẤT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA PHƯƠNG PHÁP PHẢN XẠ TOÀN THÂN DÙNG ĐỂ DẠY TIẾNG ANH CHO THIẾU NHI

Rõ ràng với những đặc thù của thiếu nhi đã được trình bày trên, phương pháp phản xạ toàn thân – phương pháp kết hợp giữa ngôn ngữ và hoạt động thể chất – hoàn toàn thích hợp để dạy tiếng Anh cho đối tượng này.

Trẻ em học rất nhanh những từ vựng khi được dạy rất cụ thể - nghĩa là, trẻ có thể nhìn thấy, tiếp xúc, nghe và chơi cùng. Lấy ví dụ, trẻ hiểu từ vựng “*cookie*” rất dễ khi chúng được tham gia làm và sau đó thưởng thức “bánh quy”; hoặc những động từ vận động như “*jump*”, “*run*”, “*hop*” được trẻ cảm thụ rất nhanh thông qua việc chúng quan sát giáo viên làm mẫu và sau đó bắt chước làm theo.

Việc kết hợp phương pháp phản xạ toàn thân với các hoạt động thường lệ trong lớp học hoặc với trò chơi, bài hát, chuyện kể giúp trẻ em phát triển khả năng nghe hiểu và nhớ từ vựng và cụm từ giao tiếp mới khi học. Vì vậy, với trẻ mới bắt đầu học tiếng Anh giáo viên cần phải dạy cho trẻ những từ vựng, cụm từ giao tiếp cần thiết và đơn giản nhất như: Tên, tuổi; Những câu chào hỏi thông dụng như “*Hello.*”, “*How are you?*”; Từ vựng liên quan đến trường, lớp, dụng cụ học tập; các bộ phận cơ thể; động vật;...

Giáo viên cần phải khuyến khích trẻ em nhận biết và đáp lại những lời hướng dẫn hoặc mệnh lệnh đơn giản trong lớp đồng thời sử dụng ngôn ngữ cử chỉ để thực hiện các động tác như: đứng lên/ ngồi xuống, giơ tay lên/ bỏ tay xuống, mở sách ra / đóng sách lại; kết hợp nhìn với từ/ chữ mà trẻ có thể học và bắt chước, đặc biệt những từ ngữ mô tả như: lớn/ nhỏ, vui/ buồn [2].

Bằng cách kết hợp phương pháp phản xạ toàn thân vào hoạt động thường lệ, chẳng mấy chốc trẻ sẽ dễ dàng vào ngôn ngữ và chú ý đến việc tương tác lại. Dần dần trẻ sẽ nhận thức được nhiều điều và sẽ trở nên tự tin khi học [2].

Trong bài học, giáo viên cần kết hợp TPR với trò chơi. Trẻ nhỏ rất thích những trò chơi mang tính hoạt động thể chất. Giáo viên có thể chọn những trò chơi liên quan đến TPR như “*Simon says...*” hoặc “*Charades*” hoặc “*I spy my little eye...*”. Đừng ngại điều chỉnh các trò chơi lại sao cho hợp với yêu cầu thực tế.

Bài hát cũng không thể thiếu trong lớp học tiếng Anh thiếu nhi. Với một chút trí tưởng tượng, giáo viên có thể chuyển những yếu tố trong những bài hát thành những bài hát có các hoạt động thể chất và tạo thành yếu tố của phương pháp phản xạ toàn thân. Giáo viên cũng nên chọn những bài hát có điệp khúc lặp đi lặp lại đơn giản để trẻ có thể đoán trước cấu trúc và tham gia vào bài hát trọn vẹn hơn. Những bài hát có giai điệu dễ nhớ sẽ giúp ích rất nhiều trong việc tạo ra sự liên kết giữa từ và nghĩa. Trẻ em nhớ rất lâu những bài hát chúng thích. Những bài hát như “*Head, Shoulders, Knees and Toes*”, “*The wheels on the bus*” hoặc “*Open – Shut*” rất được trẻ nhỏ yêu thích, và với

giáo viên những bài hát như thế này là công cụ hữu ích để dạy học.

Ngoài ra, những câu chuyện kết hợp với TPR nên là những câu ngắn có chứa nội dung và cụm từ hữu dụng. Những câu chuyện này cần phải dễ trong việc dùng ngôn ngữ cử chỉ để diễn đạt, và độ dài khoảng 6-12 dòng. Ưu điểm của hình thức này là vui nhộn và tạo động lực học cho học sinh. Nó phù hợp cho cả ba kiểu người học: nghe, nhìn và vận động. Nó giúp học sinh học và hiểu cả cụm từ cùng một lúc.

Tuy nhiên, giáo viên cần lưu ý rằng trò chơi hay bài hát là các hoạt động giúp trẻ thực hành, củng cố lại ngôn ngữ, từ vựng đã học. Do đó, các hoạt động này nên đưa vào sau khi trẻ học từ vựng. Điều này cũng tương tự đối với chuyện kể - giáo viên dạy từ vựng trước khi cho học sinh thực hiện hoạt động kể chuyện.

Ví dụ minh họa 1: Nội dung của một bài học tiếng Anh dành cho thiếu nhi ở độ tuổi dưới 7 [6, tr.3].

Bài học	Mục tiêu bài học	Từ vựng / mẫu câu	Hoạt động / kỹ năng
<i>Colours</i>	- Nhận biết màu sắc (<i>red, green, blue, yelloow, orange</i>) - Nghe và thực hiện động tác theo mệnh lệnh đơn giản, thể hiện hiểu thông qua việc diễn đạt động tác trong bài hát, câu chuyện - Nghe và sắp xếp câu chuyện	- Từ mới: <i>red, green, blue, yellow, orange, balloon, kite, ball</i> - Ngôn ngữ giao tiếp: + <i>Do you like...?</i> + <i>Yes. / No.</i>	- Đọc theo nhịp (Chant): <i>Colours chant</i> - Hoạt động: tô màu - Trò chơi: “<i>What’s missing?</i>” - Củng cố từ vựng mới học - Bài hát: “<i>A Blue Balloon for Rosie</i>” - Vẽ và tô màu - Chuyện kể kết hợp hành động: “<i>Colours Action Story</i>” - Sắp xếp câu chuyện theo thứ tự - Kỹ năng nghe hiểu: Tô màu theo mệnh lệnh
Thời lượng: 20 – 30 phút			

Ví dụ minh họa 2: Cách hoạt động dạy học kết hợp phương pháp phản xạ toàn thân

Hoạt động 1: Dạy từ vựng

Từ mới: màu sắc: *blue, yellow, red, green, orange, black, pick up*

Chuẩn bị: một số bìa cứng màu, đặt mỗi bìa màu trên bàn của từng học sinh; một bộ trên bàn giáo viên.

Các bước thực hiện: 1) Giáo viên dạy từ vựng mới bằng cách cầm từng bìa lên cho học sinh quan sát và nói từng màu sắc: *A blue card; A yellow card; A red card;*

Blue; Yellow; Red. Khi trình bày mỗi từ hoặc cụm từ giáo viên cần lặp lại khoảng 2-3 lần trước khi chuyển qua từ / cụm từ mới; 2) Giáo viên ra mệnh lệnh và tất cả học sinh thực hiện:

Who has a red card? Show it to me.

Who has a blue card? Show it to me.

Who has a green card? Show it to me.

3) Giáo viên mời từng học sinh thực hiện mệnh lệnh.

Susan, pick up a black card and show it to the class.

Show the class a green card.

Show the class a yellow card.

Peter, pick up a blue card and show it to the class.

Hoạt động 2: Cùng cô từ vựng mới học thông qua trò chơi “*What’s missing?*”

Từ vựng cần cùng cô cho học sinh nhớ: Màu sắc

Chuẩn bị: một số bìa cứng màu

Các bước thực hiện: 1) Giáo viên bày các bìa có màu sắc mới được học trước mặt học sinh; 2) Giáo viên yêu cầu học sinh nhắm/che mắt lại (“*Close your eyes, please.*”) và giáo viên cất dấu đi một bìa; 3) Giáo viên yêu cầu học sinh mở mắt, nhìn và nhận ra màu sắc nào bị dấu mất (“*Open your eyes. What’s missing?*”)

Hoạt động 3: Giúp trẻ hiểu câu hỏi “*Do you like ...?*” và trả lời “*Yes. / No.*”

Sau khi trẻ đã biết các từ vựng về màu sắc, giáo viên chuyển qua dạy trẻ nhận biết và hiểu câu hỏi “*Do you like..?*”

Chuẩn bị: Các bìa có màu sắc khác nhau hoặc những hình ảnh (từ vựng đã học) giống nhau nhưng có màu sắc khác nhau.

Các bước thực hiện: 1) Giáo viên đưa bìa màu lên và lặp đi lặp lại câu hỏi “*Do you like (The red card)?*”; 2) Giáo viên dùng

biểu cảm của khuôn mặt mình kết hợp với ngôn ngữ cử chỉ – ngón tay cái hướng lên = *Yes*, và hướng xuống = *No*, nhằm giúp học sinh hiểu cách trả lời “*Yes/ No*”; 3) Giáo viên lặp đi lặp lại câu hỏi và động tác vài lần; 4) Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi “*Do you like..?*” (cả lớp/ cá nhân) bằng cách dùng ngôn ngữ cử chỉ (đưa ngón tay cái hướng lên hoặc hướng xuống); 5) Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi “*Do you like..?*” kết hợp nói “*Yes*”/“*No*” và dùng ngôn ngữ cử chỉ (đưa ngón tay cái hướng lên hoặc hướng xuống).

6. KẾT LUẬN

Với sự phối hợp giữa ngôn ngữ và vận động thể chất, phương pháp phương pháp phản xạ toàn thân tập trung vào người học và giúp họ phát triển ngôn ngữ thứ hai một cách tự nhiên. Phương pháp này hoàn toàn phù hợp với việc dạy tiếng Anh cho thiếu nhi khi chương trình thiết kế kết hợp hoạt động học tiếng Anh với trò chơi, hát múa, hình ảnh, ... tạo ra môi trường học thoải mái, không gây áp lực và từ đó thu hút sự tập trung của thiếu nhi vào bài học giúp trẻ em tiếp thu ngôn ngữ nhanh và hiệu quả nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Asher, J. (2007), *TPR: After forty years, still a very good idea*, https://www.tpr-world.com/mm5/TPRarticles/TPR_after_forty.pdf , truy cập ngày 20-2-2018.
- [2] Dyson, L. (2012), *Children Learning English as a Foreign Language -Total Physical Response in Pre-primary Language Learning*, <http://www.pearsonlongman.com/mylittleisland/ae/tips.html>, truy cập ngày 23-2-2018.
- [3] Harmer, J. (2001), *The Practice of English Language Teaching*, 3rd Edition, Pearson.
- [4] Nunan, D. (2010), *Teaching English to Young Learners*, Anaheim University Press.

- [5] Opp-Beckman, L. and Klinghammer, S. (2006), *Shaping the Way We Teach English: Successful Practices Around the World*, University of Oregon.
- [6] Puchta, H. and Gerngross, G. (2012), *Hooray! Let's play! Level A- Teacher's Book*, Helbling Language.
- [7] Richards, J.C. and Rogers, T. (2001), *Approaches and Methods in Language Teaching*, 2nd Edition, Cambridge University Press.
- [8] Scott, W.A. and Ytreberg, L.H. (1990), *Teaching English to Children*, Longman.
- Slattery, M. and Willis, J. (2001), *English for Primary Teachers: A Handbook of Activities & Classroom language*, Oxford University Press.

Ngày nhận bài: 03-4-2018. Ngày biên tập xong: 04-9-2018. Duyệt đăng: 24-9-2018